



Số: 38/14.01

/2026/TB-OCB

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản

- Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024;
- Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;
- Căn cứ quy định của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) về việc đưa tài sản bán đấu giá.

Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) – Địa chỉ: Tòa nhà The Hallmark, số 15 Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản để bán đấu giá và tiêu chí lựa chọn như sau:

1. Thông tin tài sản bán đấu giá (bán đồng thời cùng lúc 5 Bất động sản):

Bất động sản 1: Quyền sử dụng đất

- ✓ Thửa đất số: 316. Tờ bản đồ số: 18
- ✓ Diện tích: 480,4 m²
- ✓ Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.
- ✓ Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn: 362,3 m². Đất trồng cây lâu năm 118,1 m².
- ✓ Thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn: lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: đến ngày 28/10/2059.
- ✓ Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất: 362,3 m²; Công nhận QSD đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 118,1 m².
- ✓ Địa chỉ: 7B67 ấp 7 Xã Phạm Văn Hai, Huyện Bình Chánh (nay là Xã Vĩnh Lộc), Thành phố Hồ Chí Minh.
- ✓ Phần công trình, diện tích cải tạo, đầu tư, xây dựng thêm và các tài sản khác gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp.
- ✓ Giấy tờ pháp lý: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 523484, sổ vào sổ cấp GCN: CS004468 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/01/2016, cập nhật thay đổi chủ Sở hữu/sử dụng ngày 15/11/2017, cập nhật thông tin ngày 19/06/2023.
- ✓ Giá khởi điểm: **4.694.814.000 đồng**. Giá đã bao gồm thuế TNDN, thuế TNCN, thuế VAT (nếu có).

Bất động sản 2: Quyền sử dụng đất

- ✓ Thửa đất số: 317. Tờ bản đồ số: 18
- ✓ Diện tích: 573,1 m²
- ✓ Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.

- ✓ Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn là 372 m²; Đất trồng cây lâu năm 201,1 m².
- ✓ Thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: Đến ngày 28/10/2059.
- ✓ Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất: 372 m²; Công nhận QSD đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 201,1 m².
- ✓ Địa chỉ: 7B67/1 ấp 7 Xã Phạm Văn Hai, Huyện Bình Chánh (nay là Xã Vĩnh Lộc), Thành phố Hồ Chí Minh.
- ✓ Phần công trình, diện tích cải tạo, đầu tư, xây dựng thêm và các tài sản khác gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp.
- ✓ Giấy tờ pháp lý: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 788073, số vào sổ cấp GCN: CS004493 do sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/01/2016, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 15/11/2017, cập nhật thông tin ngày 19/06/2023.
- ✓ Giá khởi điểm: **5.055.234.000 đồng**. Giá đã bao gồm thuế TNDN, thuế TNCN, thuế VAT (nếu có).

Bất động sản 3: Quyền sử dụng đất

- ✓ Thửa đất số: 323. Tờ bản đồ số: 18
- ✓ Diện tích: 235,6 m²
- ✓ Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.
- ✓ Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn là 176,3 m²; Đất trồng cây lâu năm 59,3 m².
- ✓ Thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: Đến ngày 12/04/2060.
- ✓ Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất: 176,3 m²; Công nhận QSD đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 59,3 m².
- ✓ Địa chỉ: 7B68 ấp 7 Xã Phạm Văn Hai, Huyện Bình Chánh (nay là Xã Vĩnh Lộc), Thành phố Hồ Chí Minh.
- ✓ Phần công trình, diện tích cải tạo, đầu tư, xây dựng thêm và các tài sản khác gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp.
- ✓ Giấy tờ pháp lý: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 523294, số vào sổ cấp GCN: CS004382 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/12/2015, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 15/11/2017, cập nhật thông tin ngày 19/06/2023.
- ✓ Giá khởi điểm: **2.289.942.000 đồng**. Giá đã bao gồm thuế TNDN, thuế TNCN, thuế VAT (nếu có).

Bất động sản 4: Quyền sử dụng đất

- ✓ Thửa đất số: 324. Tờ bản đồ số: 18
- ✓ Diện tích: 468,9 m²
- ✓ Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.
- ✓ Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn là 274,1 m²; Đất trồng cây lâu năm 194,8 m².
- ✓ Thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: Đến ngày 12/04/2060.

- ✓ Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất: 274,1 m²; Công nhận QSD đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 194,8 m².
- ✓ Địa chỉ: 7B68/1 ấp 7 Xã Phạm Văn Hai, Huyện Bình Chánh (nay là Xã Vĩnh Lộc), Thành phố Hồ Chí Minh.
- ✓ Phần công trình, diện tích cải tạo, đầu tư, xây dựng thêm và các tài sản khác gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp.
- ✓ Giấy tờ pháp lý: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 419749, sổ vào sổ cấp GCN: CS004593 do sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/03/2016, cập nhật biến động 23/08/2016, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/ sử dụng ngày 15/11/2017, cập nhật thông tin ngày 19/06/2023.
- ✓ Giá khởi điểm: **3.861.912.000 đồng**. Giá đã bao gồm thuế TNDN, thuế TNCN, thuế VAT (nếu có).

Bất động sản 5: Quyền sử dụng đất

- ✓ Thửa đất số: 517. Tờ bản đồ số: 18
- ✓ Diện tích: 118,6 m²
- ✓ Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.
- ✓ Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn là 88,8 m²; Đất trồng cây lâu năm 29,8 m².
- ✓ Thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: Đến ngày 12/04/2060.
- ✓ Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất: 88,8 m²; Công nhận QSD đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 29,8 m².
- ✓ Địa chỉ: 7B68 ấp 7 Xã Phạm Văn Hai, Huyện Bình Chánh (nay là Xã Vĩnh Lộc), Thành phố Hồ Chí Minh.
- ✓ Phần công trình, diện tích cải tạo, đầu tư, xây dựng thêm và các tài sản khác gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp.
- ✓ Giấy tờ pháp lý: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 728769, sổ vào sổ cấp GCN: CS004863 do sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/02/2017, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/ sử dụng ngày 15/11/2017, cập nhật thông tin ngày 19/06/2023.
- ✓ Giá khởi điểm: **1.153.212.000 đồng**. Giá đã bao gồm thuế TNDN, thuế TNCN, thuế VAT (nếu có).

2. Lựa chọn tổ chức bán đấu giá:

Tiêu chí: Mọi tổ chức đấu giá tài sản phải có đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 4, điều 56 Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Phụ lục I - Thông 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và các tiêu chí khác do OCB quyết định, cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí bắt buộc
1	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.
2	Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.
3	Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.
4	Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản.
5	Nhóm tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

- Thời gian: Thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá trong thời hạn 03 ngày kể

từ ngày thông báo.

- Người đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu và Chứng minh nhân dân.
- (Chú ý: Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được OCB lựa chọn).
- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:
- + Trụ sở Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) – Địa chỉ: Tòa nhà The Hallmark, số 15 Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mọi vấn đề xin liên hệ: **Ông Võ Việt Cường** - Chuyên viên cao cấp Xử lý nợ doanh nghiệp - Điện thoại: **0792227328**.

Mọi vướng mắc trong quá trình tham gia tổ chức đấu giá, vui lòng liên hệ: **Ông Võ Việt Cường - Chuyên viên cao cấp Xử lý nợ doanh nghiệp - Điện thoại: 0792227328**.

Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) mong được sự hợp tác của các Tổ chức Đấu giá chuyên nghiệp.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử OCB;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản;
- Lưu Văn thư;

**NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG
TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC**

TRƯỞNG PHÒNG XỬ LÝ NỢ DOANH NGHIỆP



NGUYỄN VĂN NHIỀU

PHỤ LỤC I
BẢNG TIÊU CHÍ
ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0

4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0

5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của	3,0

	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản - Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)	
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.	4,0
4.	Tiêu chí khác (trừ tiêu chí giá dịch vụ đấu giá tài sản, chi phí đấu giá tài sản và các tiêu chí đã quy định tại Phụ lục này)	3,0
Tổng số điểm		100